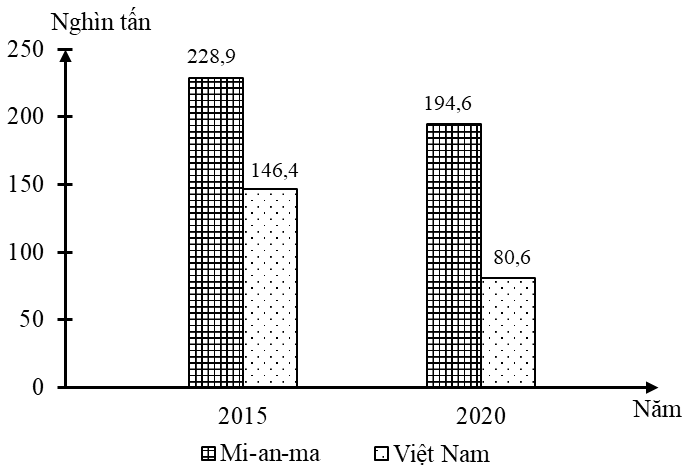
|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 6**  **BÁM SÁT ĐỀ MINH HỌA** | **[ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-dia-li/tai-lieu-dia-li-luyen-thi/)**  **[MÔN: ĐỊA LÍ](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-dia-li/tai-lieu-dia-li-luyen-thi/)**  **Thời gian: 50 phút** |

**Câu 41:** Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG ĐẬU TƯƠNG CỦA MI-AN-MA VÀ VIỆT NAM NĂM 2015 VÀ 2020

*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng đậu tương của Mi-an-ma và Việt Nam?

**A.** Việt Nam giảm, Mi-an-ma tăng. **B.** Việt Nam giảm nhiều hơn Mi-an-ma.

**C.** Mi-an-ma giảm, Việt Nam tăng. **D.** Mi-an-ma giảm nhanh hơn Việt Nam.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 17, Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết đâu là khu kinh tế ven biển thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Móng Cái. **B.** Thanh Thủy. **C.** Vân Đồn.  **D.** Tây Trang.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết điểm khai thác đồng Sinh Quyền thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Yên Bái. **B.** Lào Cai. **C.** Sơn La. **D.** Lai Châu.

**Câu 44:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết các tuyến đường ô tô nào sau đây nối liền vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên?

**A.** Quốc lộ 14 và 20. **B.** Quốc lộ 13 và 14. **C.** Quốc lộ 1 và 14. **D.** Quốc lộ 1 và 13.

**Câu 45.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Bru-nây** | **Cam-pu-chia** | **In-đô-nê-xi-a** | **Lào** |
| Diện tích *(Nghìn km2)* | 5,8 | 181,0 | 1913,6 | 236,8 |
| Dân số *(Triệu người)* | 0,4 | 16,5 | 268,4 | 7,1 |

**A.** In-đô-nê-xi-a cao hơn 4,7 lần Lào. **C.** Bru-nây cao hơn 2,4 lần Lào.

**B.** Cam-pu-chia cao hơn 2 lần Bru-nây. **D.** In-đô-nê-xi-a cao hơn 3 lần Cam-pu-chia.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thi ̣nào sau đây là đô thị ̣đặc biệt?

**A.** Hải Phòng. **B.** Cần Thơ. **C.** Hà Nội. **D.** Đà Nẵng.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết cửa sông nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

**A.** Cửa Văn Úc. **B.** Cửa Hội. **C.** Cửa Nam Triệu. **D.** Cửa Ba Lạt.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết nơi nào sau đây là một điểm công nghiệp?

**A.** Nha Trang. **B.** Rạch Giá. **C.** Thanh Hóa. **D.** Kon Tum.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 8 nối Hồng Lĩnh với cửa khẩu nào sau đây?

**A.** Na Mèo. **B.** Cha Lo. **C.** Nậm Cắn. **D.** Cầu Treo.

**Câu 50:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực dưới 60%?

**A.** Lạng Sơn. **B.** Thái Nguyên. **C.** Hà Giang. **D.** Tuyên Quang.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đảo?

**A.** Cát Bà. **B.** Ba Bể. **C.** Xuân Sơn. **D.** Thanh Thủy.

**Câu 52:** Việc phát triển công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra nha cầu rất lớn về

**A.** năng lượng. **B.** thủy lợi. **C.** lương thực. **D.** đất đai.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết hướng gió chính tại trạm khí tượng TP. Hồ Chí Minh vào tháng VII là

**A.** tây bắc. **B.** đông bắc. **C.** tây nam. **D.** đông nam.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết bán đảo Phước Mai thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Quảng Nam. **B.** Quảng Ngãi. **C.** Bình Định **D.** Phú Yên.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào có quy mô lớn nhất trong các trung tâm sau đây?

**A.** Yên Bái. **B.** Vinh. **C.** Hải Phòng. **D.** Sơn La.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây có đường biên giới với Lào?

**A.** Quảng Ninh. **B.** Lai Châu. **C.** Yên Bái. **D.** Hòa Bình.

**Câu 57:** Nguồn cung cấp điện chủ yếu của nước ta hiện nay là

**A.** thủy điện. **B.** điện nguyên tử. **C.** điện Mặt Trời. **D.** nhiệt điện.

**Câu 58:** Vùng chịu lụt úng nghiêm trọng nhất nước ta là

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 59:** Cơ cấu sản xuất công nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng

**A.** tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến. **B.** tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.

**C.** tăng tỉ trọng sản phẩm chất lượng thấp. **D.** giảm tỉ trọng của các sản phẩm cao cấp.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu lượng nước sông Mê Công (trạm Mỹ Thuận) lớn nhất vào tháng nào sau đây?

**A.** Tháng 8. **B.** Tháng 9. **C.** Tháng 10. **D.** Tháng 11.

**Câu 61:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết than nâu có ở tỉnh nào sau đây của Bắc Trung Bộ?

**A.** Thanh Hóa. **B.** Nghệ An. **C.** Quảng Trị. **D.** Hà Tĩnh.

**Câu 62:** Diện tích đất chuyên dùng của nước ta ngày càng mở rộng chủ yếu lấy từ

**A.** đất nông nghiệp. **B.** đất lâm nghiệp. **C.** đất hoang hoá. **D.** đất chưa sử dụng.

**Câu 63:** Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta hiện nay

**A.** hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.

**B.** tăng tỉ trọng của ngành công nghiệp chế biến.

**C.** giảm tỉ trọng ngành nông – lâm – ngư nghiệp.

**D.** tỉ trọng của kinh tế tư nhân có xu hướng tăng.

**Câu 64:** Biện pháp phát triển thủy sản theo hướng bền vững ở nước ta hiện nay là

**A.** khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi. **B.** tập trung khai thác nguồn lợi ven bờ.

**C.** chỉ khai thác nguồn lợi ngoài khơi xa. **D.** chỉ khai thác ở các ngư trường cá lớn.

**Câu 65:** Nguồn thức ăn chủ yếu cho chăn nuôi lợn theo hướng sản xuất hàng hóa ở nước ta hiện nay là từ

**A.** công nghiệp chế biến. **B.** sản xuất lương thực. **C.** sản xuất thực phẩm. **D.** phụ phẩm thủy sản.

**Câu 66:** Đánh bắt hải sản xa bờ có ý nghĩa về mặt kinh tế là

**A.** bảo vệ được vùng biển, vùng trời. **B.** bảo vệ được vùng thềm lục địa.

**C.** khai thác tốt hơn nguồn lợi hải sản. **D.** hạn chế khai thác nguồn lợi ven bờ.

**Câu 67:** Vị trí địa lí nước ta nằm ở

**A.** trong vùng có rất nhiều động đất. **B.** vùng ngoại chí tuyến Bán cầu Bắc.

**C.** phía Đông bán đảo Đông Dương. **D.** trên “vành đai lửa Thái Bình Dương”.

**Câu 68:** Quá trình đô thị hóa ở nước ta trong giai đoạn 1965 đến 1972 bị chững lại vì

**A.** tỉ lệ gia tăng tự nhiên giảm nhanh. **B.** chính sách thu hút dân cư về nông thôn.

**C.** các đô thị bị chiến tranh phá hoại. **D.** chính sách hạn chế di dân vào thành thị.

**Câu 69:** Lao động nước ta hiện nay

**A.** tăng nhanh, chủ yếu ở nông thôn. **B.** đông đảo, thất nghiệp còn rất ít.

**C.** chủ yếu công nhân kĩ thuật cao. **D.** tập trung toàn bộ ở công nghiệp.

**Câu 70:** Ngành vận tải đường sông nước ta hiện nay

**A.** phương tiện chưa được nâng cấp. **B.** khối lượng vận chuyển hàng lớn nhất.

**C.** chỉ phát triển ở vùng đồng bằng. **D.** chịu ảnh hưởng của chế độ nước sông.

**Câu 71:** Cơ cấu kinh tế Bắc Trung Bộ hiện nay có sự chuyển dịch quan trọng chủ yếu do tác động của

**A.** phát triển cơ sở vật chất kĩ thuật, khai thác thế mạnh, nâng dân trí.

**B.** hội nhập toàn cầu sâu rộng, tăng trưởng kinh tế, mở rộng các đô thị.

**C.** thu hút đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, nâng chất lượng lao động.

**D.** mở rộng hợp tác quốc tế, đào tạo nhân lực, phát huy các nguồn lực.

**Câu 72:** Khó khăn lớn nhất trong phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** diện tích đất mặn, đất phèn lớn và tăng nhanh.

**B.** tác động của thủy triều và diện tích rừng thu hẹp.

**C.** khí hậu, thời tiết ngày càng diễn biến thất thường.

**D.** thiếu nước ngọt và xâm nhập mặn vào mùa khô.

**Câu 73:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

**A.** tạo nông sản hàng hóa, bảo vệ môi trường. **B.** đáp ứng thị trường, hạn chế rủi ro tiêu thụ.

**C.** thuận lợi cơ giới hóa, tăng nhanh sản lượng. **D.** sử dụng hiệu quả thế mạnh, tạo việc làm.

**Câu 74:** Chế độ mưa trên các vùng lãnh thổ nước ta có sự phân hóa phức tạp theo không gian, thời gian chủ yếu do

**A.** Tín phong bán cầu Bắc, hoạt động của gió mùa, vị trí địa lí và địa hình.

**B.** gió mùa Tây Nam, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, vị trí địa lí.

**C.** gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí và địa hình núi.

**D.** gió tây nam thổi vào mùa hạ, vị trí địa lí, độ cao và hướng các dãy núi.

**Câu 75:** Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN, SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC THEO ĐẦU NGƯỜI

CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số dân**  *(nghìn người)* | **Sản lượng lương thực**  *(nghìn tấn)* |
| 2010 | 86497 | 44632,2 |
| 2015 | 91713 | 50379,5 |
| 2019 | 96484 | 48230,9 |
| 2020 | 97582,7 | 47321,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tổng số dân và sản lượng lương thực nước ta giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Cột. **B.** Tròn. **C.** Miền. **D.** Kết hợp.

**Câu 76:** Giải pháp chủ yếu để phát triển có hiệu quả nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** đổi mới phương tiện đánh bắt, đẩy mạnh chế biến, xuất khẩu.

**B.** nâng cao trình độ lao động địa phương, chú trọng nuôi trồng.

**C.** mở rộng thị trường tiêu thụ, đẩy mạnh quảng bá thương hiệu.

**D.** tăng cường liên doanh liên kết, nâng cấp cảng cá quy mô lớn.

**Câu 77:** Mục đích chủ yếu của việc đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** khai thác hiệu quả các điều kiện tự nhiên và bảo vệ môi trường.

**B.** giảm rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân.

**C.** thích ứng với thị trường tiêu thụ, khai thác hiệu quả các nguồn lực.

**D.** tăng khối lượng nông sản, thúc đẩy công nghiệp chế biến phát triển.

**Câu 78:** Giải pháp quan trọng hàng đầu để ngành du lịch nước ta phục hồi và phát triển hiện nay là

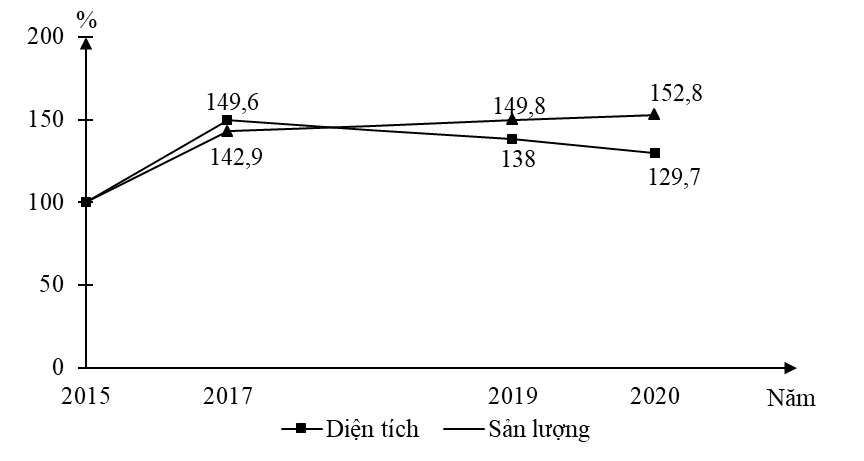
**A.** mở cửa đón du khách quốc tế, giảm giá các loại hình dịch vụ.

**B.** đổi mới chiến lược phát triển, đa dạng hóa sản phẩm du lịch.

**C.** ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp các doanh nghiệp.

**D.** xây dựng cơ sở lưu trú, cơ sở hạ tầng để thu hút khách du lịch.

**Câu 79:** Cho biểu đồ về diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta, giai đoạn 2015 - 2020:



*(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Quy mô và cơ cấu diện tích và sản lượng hồ tiêu.

**B.** Quy mô diện tích và sản lượng hồ tiêu.

**C.** Tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu.

**D.** Sự thay đổi cơ cấu diện tích và sản lượng hồ tiêu.

**Câu 80:** Thế mạnh chủ yếu đề phát triển ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

**A.** nhiều lao động kĩ thuật, cơ sở hạ tầng tiến bộ. **B.** dân trí nâng cao, có nhiều trung tâm giáo dục.

**C.** dân số đông, nhiều đô thị, sản xuất phát triển. **D.** thị trường lớn, vị trí thuận lợi, dân đô thị nhiều.

------------------------ HẾT ------------------------

*- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

*- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm*

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **41** | **42** | **43** | **44** | **45** | **46** | **47** | **48** | **49** | **50** |
| Đáp án | B | C | B | A | A | C | B | D | D | C |
| **Câu** | **51** | **52** | **53** | **54** | **55** | **56** | **57** | **58** | **59** | **60** |
| Đáp án | A | A | C | C | C | D | D | A | A | C |
| **Câu** | **61** | **62** | **63** | **64** | **65** | **66** | **67** | **68** | **69** | **70** |
| Đáp án | B | A | A | A | A | C | C | B | A | A |
| **Câu** | **71** | **72** | **73** | **74** | **75** | **76** | **77** | **78** | **79** | **80** |
| Đáp án | C | D | B | A | D | A | C | B | C | C |

***\* Gợi ý trả lời chi tiết:***

**Câu 41. (Thông hiểu)** Theo số liệu trên biểu đồ: Việt Nam giảm 65,8 nghìn tấn, Mi-an-ma giảm 34,4 nghìn tấn.

Đáp án: B.

**Câu 42. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, khu kinh tế ven biển Vân Đồn thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Đáp án: C.

**Câu 43. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, điểm khai thác đồng Sinh Quyền thuộc tỉnh Lào Cai.

Đáp án: B.

**Câu 44. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, Quốc lộ 14 và 20 nối liền vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên?

Đáp án: A.

**Câu 45. (Thông hiểu)** Tính mật độ dân số = số dân/diện tích. Sau đó so sánh (phép chia – số lần)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Bru-nây** | **Cam-pu-chia** | **In-đô-nê-xi-a** | **Lào** |
| Diện tích *(Nghìn km2)* | 5,8 | 181,0 | 1913,6 | 236,8 |
| Dân số *(Triệu người)* | 0,4 | 16,5 | 268,4 | 7,1 |
| Mật độ dân số (người/km2) | 68,9 | 91,2 | 140,3 | 30,0 |

Đáp án: A.

**Câu 46. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, Hà Nội là đô thị đặc biệt.

Đáp án: C.

**Câu 47.(Nhận biết)** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13-14, Cửa Hội.

Đáp án: B.

**Câu 48. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, Kon Tum là điểm công nghiệp.

Đáp án: D.

**Câu 49. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, đường số 8 nối Hồng Lĩnh với cửa khẩu Cầu Treo.

Đáp án: D.

**Câu 50. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, Hà Giang.

Đáp án: C.

**Câu 51.(Nhận biết)** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, VQG trên đảo là Cát Bà.

Đáp án: A.

**Câu 52. (Nhận biết)** Việc phát triển công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra nha cầu rất lớn về năng lượng

Đáp án: A.

**Câu 53. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hướng gió chính tại trạm khí tượng TP. Hồ Chí Minh vào tháng VII là tây nam.

Đáp án: C.

**Câu 54. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, bán đảo Phước Mai thuộc tỉnh Bình Định.

Đáp án: C.

**Câu 55. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, Hải Phòng.

Đáp án: C.

**Câu 56. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, Hòa Bình.

Đáp án: D.

**Câu 57. (Nhận biết) :** Nguồn cung cấp điện chủ yếu của nước ta hiện nay là nhiệt điện (tổ hợp nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ tổng công suất trên 4000MW).

Đáp án: D.

**Câu 58. (Nhận biết)** Vùng chịu lụt úng nghiêm trọng nhất nước ta là đồng bằng sông Hồng.

Đáp án: A.

**Câu 59. (Nhận biết)**  Cơ cấu sản xuất công nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.

Đáp án: A.

**Câu 60. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, lưu lượng nước sông Mê Công (trạm Mỹ Thuận) lớn nhất vào tháng 10.

Đáp án: C.

**Câu 61. (Nhận biết)** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, than nâu có ở tỉnh Nghệ An.

Đáp án: B.

**Câu 62. (Nhận biết)** Diện tích đất chuyên dùng của nước ta ngày càng mở rộng chủ yếu lấy từ đất nông nghiệp Đáp án: A.

**Câu 63. (Thông hiểu)** Cơ cấu kinh tế *theo lãnh thổ* ở nước ta hiện nay hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.

Đáp án: A.

**Câu 64. (Thông hiểu)** Biện pháp phát triển thủy sản theo *hướng bền vững* ở nước ta hiện nay là khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi hải sản.

Đáp án: A.

**Câu 65.** **(Thông hiểu)** Nguồn thức ăn chủ yếu cho chăn nuôi lợn theo hướng *sản xuất hàng hóa* ở nước ta hiện nay là từcông nghiệp chế biến (hình thức chăn nuôi trang trại).

Đáp án: A.

**Câu 66.** **(Thông hiểu)** Đánh bắt hải sản xa bờ có *ý nghĩa* về mặt *kinh**tế* là khai thác tốt hơn nguồn lợi hải sản.

Đáp án: C.

**Câu 67.** **(Thông hiểu)** Vị trí địa lí nước ta nằm ở rìa phía Đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực ĐNA, nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc. .

Đáp án: C.

**Câu 68.** **(Thông hiểu)** Quá trình đô thị hóa ở nước ta trong giai đoạn 1965 đến 1972 bị chững lại vì các đô thị bị chiến tranh phá hoại.

Đáp án: C.

**Câu 69.** **(Thông hiểu)**. Lao động nước ta hiện nay tăng nhanh, tập trung chủ yếu ở nông thôn..

Đáp án: A.

**Câu 70: (Thông hiểu)** Ngành vận tải đường sông nước ta hiện naychịu ảnh hưởng của chế độ nước.

Đáp án: D.

**Câu 71. (VD)** Bắc Trung Bộ có hạn chế trong phát triển kinh tế, đặc biệt trong công nghiệp là thiếu vốn và khoa học kĩ thuật hiện đại.  
=>Hiện nay nhờ việc đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng và nâng cao chất lượng, vùng đã hình thành các khu kinh tế, khu công nghiệp quan trọng, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và theo lãnh thổ của vùng.

Đáp án: C.

**Câu 72.** **(VD)** Khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là thiếu nước ngọt để thau chua rửa mặn, cung cấp nước tưới, nước sinh hoạt và sản xuất. Đồng thời tình trạng xâm nhập mặn vào mùa khô ngày càng tăng do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu…

Đáp án: D.

**Câu 73.** **(VD)**. Ý nghĩa chủ yếu của việc đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp ở Tây Nguyên làhạn chế rủi ro tiêu thụ sản phẩm, sử dụng hợp lí tài nguyên và đáp ứng nhu cầu thị trường.

Đáp án: B.

**Câu 74.** **(VD)**. Chế độ mưa nước ta có sự phân hóa phức tạp theo không gian (không đều trên lãnh thổ) và thao thời gian (theo mùa) chủ yếu do tác động kết hợp của các nhân tố gay mưa như: Tín phong Bán cầu Bắc, hoạt động của gió mùa, vị trí (giáp biển) và địa hình (đón gió, khuất gió, song song với hướng gió, địa hình núi cao)

Đáp án: A.

**Câu 75.** **(VDC)**  Biểu đồ kết hợp ( 4 năm, 2 đơn vị khác nhau) thể hiện tổng số dân và sản lượng lương thực.

Đáp án: D.

**Câu 76.** **(VDC)** Giải pháp chủ yếu để phát triển có hiệu quả nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ làđổi mới phương tiện đánh bắt, đẩy mạnh chế biến, xuất khẩu để nâng cao giá trị sản phẩm.

Đáp án: A.

**Câu 77.** **(VDC)**

Mục đích chủ yếu của việc đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là thích ứng với thị trường tiêu thụ, khai thác hiệu quả các nguồn lực.

Đáp án: B.

**Câu 78.** **(VD)**. Ngành du lịch của nước ta trong thời gian qua chịu ảnh hưởng của dịch covid 19 (giãn cách xa hội, đóng cửa sân bay…). Để ngành du lịch nước ta phục hồi và phát triển, Nhà nước có nhiều đổi mới chiến lược phát triển(triển khai chương trình thí điểm mở cửa thị trường quốc tế, xúc tiến quảng bá du lịch, hạ giá vé máy bay….), đa dạng hóa sản phẩm du lịch để kích cầu du lịch, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

Đáp án: B.

**Câu 79.** **(VDC)** Biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng .

Đáp án: C.

**Câu 80.** **(VDC)** Thế mạnh chủ yếu đề phát triển ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là dân số đông, nhiều đô thị, sản xuất phát triển.

Đáp án: C.